

TÀI LIỆU MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Generali Việt Nam
Nghiệp vụ bảo hiểm: bảo hiểm liên kết đầu tư

BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

VITA SỐNG TỰ TIN

Để hoài bão **chẳng** dừng chân
Để ngày mai **luôn** tới

Tự tin sinh lợi

- **Sinh lợi tối đa** từ các khoản phí bảo hiểm
- **Hưởng lãi đầu tư** đảm bảo và hấp dẫn
- Các khoản thưởng hấp dẫn và liên tục giúp **gia tăng quỹ tiết kiệm** của bản thân và gia đình

Tự tin bảo vệ

- Phí bảo hiểm thấp, **Quyền lợi cao**
- **Quyền lợi** bảo hiểm tai nạn **vượt trội**: Chi trả thêm 100% Số tiền bảo hiểm nếu Tử vong do tai nạn
- Vẫn được **bảo vệ trong vòng 24 tháng** ngay cả khi Hợp đồng mất hiệu lực

Tự tin hoạch định

- **Linh hoạt đóng phí** và đầu tư theo nhu cầu và khả năng tài chính
- **Linh hoạt rút tiền** từ Giá trị tài khoản hợp đồng cho các nhu cầu chi tiêu cá nhân
- Chủ động thay đổi Số tiền bảo hiểm và **gia tăng Quyền lợi bảo hiểm** theo nhu cầu

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm: NGUYỄN THỊ HOA
Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG048886

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



240824194213886

Generali SIS Bản số :ULP3
In ngày: 24/08/2024 19:42:13

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ GENERALI VIỆT NAM

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Generali Việt Nam được Bộ Tài chính cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 61GP/KDBH, ngày 20/04/2011. Generali Việt Nam cung cấp giải pháp tài chính đa dạng cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp thông qua các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ: bảo vệ, tiết kiệm, đầu tư và sản phẩm bảo hiểm sức khỏe. Để tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động tại Việt Nam, Generali Việt Nam đã tăng vốn điều lệ lên đến 7.202,6 tỷ VND và trở thành một trong những công ty có vốn điều lệ cao nhất trên thị trường bảo hiểm nhân thọ.

Theo dõi và liên hệ chúng tôi tại

TRỤ SỞ CHÍNH

GENERALI PLAZA HỒ CHÍ MINH

43-45 Tú Xương, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Hotline: 1900 96 96 75

Email: info@generali-life.com.vn

**Số điện thoại
Doanh nghiệp: (+84) 28 6288 6888**



Website: generali.vn

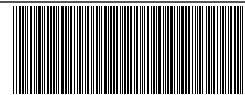


Báo cáo sản phẩm & hoạt động quỹ
<https://generali.vn/lai-suat>

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm: **NGUYỄN THỊ HOA**

Mã số Tư vấn bảo hiểm: **AG048886**

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



240824194213886

In ngày: 24/08/2024

Trang số: 2 / 27

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Đơn vị: nghìn đồng

Bên mua bảo hiểm: NGUYỄN LƯU ANH TUẤN	Tuổi: 22	Giới tính: Nam	Nhóm nghề: 1	Nghề nghiệp: Kỹ thuật viên vi tính, lập trình viên, IT
Định kỳ đóng phí: Hàng năm	Thời hạn đóng phí dự kiến: 20 năm	Thời hạn đóng phí bắt buộc: 4 năm		

Người được bảo hiểm	Tuổi	Giới tính	Nhóm nghề	Tỉ lệ tăng phí (%)	Quyền lợi bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Phí BH hàng năm
NGUYỄN LƯU ANH TUẤN	22	Nam	1	0	Bảo hiểm liên kết chung VITA - Sống Tự Tin Quyền lợi cơ bản	550.000	77	6.859
				0	BH tử vong và thương tật do Tai nạn - Phiên bản mở rộng	500.000	53	1.375
				0	BH Bệnh hiểm nghèo chi trả nhiều lần	400.000	30	1.240
				0	BH miễn đóng phí Bệnh hiểm nghèo mở rộng	-	20	257
				0	VITA-Sức Khỏe Vàng-Phiên bản 3			
				0	- Nội trú - Tiêu Chuẩn	-	63	3.684
				0	- Ngoại trú - Tiêu Chuẩn	-	63	1.802

	Hàng năm	Hàng nửa năm
Phí bảo hiểm cơ bản Năm 1	6.859	3.430
Phí bảo hiểm mở rộng Năm 1	8.358	4.179
Phí bảo hiểm định kỳ Năm 1	15.217	7.609
Phí bảo hiểm đóng trước cho 4 Năm hợp đồng đầu tiên	-	-
Phí bảo hiểm đóng thêm Năm 1	-	-
Tổng phí bảo hiểm đóng tại Năm 1	15.217	

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm: NGUYỄN THỊ HOA
Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG048886

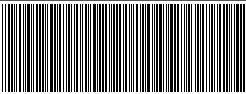
Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



In ngày: 24/08/2024
Trang số: 3 / 27

Ghi chú:

- Thời hạn đóng phí bằng Thời hạn bảo hiểm, tuy nhiên Bên mua bảo hiểm có thể lựa chọn Thời hạn đóng phí dự kiến phù hợp theo tình hình tài chính và nhu cầu bảo hiểm. Thời hạn đóng phí bắt buộc là 4 năm, phí bảo hiểm định kỳ trong 4 Năm hợp đồng đầu tiên phải được đóng đầy đủ và đúng hạn. Khách hàng cần đóng phí theo đúng quy định để duy trì hiệu lực Hợp đồng. Việc tạm ngưng đóng phí có thể làm cho Hợp đồng mất hiệu lực và/hoặc không đạt được kết quả đầu tư như mong muốn.
- Thời hạn đóng phí dự kiến hiển thị tại các trang minh họa quyền lợi có thể ngắn hơn số năm đóng phí dự kiến tại Trang thông tin Hợp đồng bảo hiểm, tùy thuộc vào thời gian hiệu lực của Hợp đồng tại từng mức lãi suất minh họa.
- Đối với VITA - Sức Khỏe Vàng - Phiên bản 3, phí bảo hiểm được thể hiện trên đây là phí của Năm hợp đồng đầu tiên. Phí bảo hiểm của các Năm hợp đồng tiếp theo có thể thay đổi tùy theo Tuổi của Người được bảo hiểm tại Ngày kỷ niệm hợp đồng.



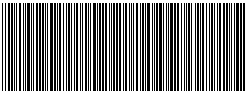
MINH HỌA QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối năm HĐ /Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng	Phí bảo hiểm phân bổ	Thưởng hàng năm	Thưởng đặc biệt	Minh họa tại mức lãi suất đầu tư 5,30%/năm từ năm 1-20 và mức lãi suất cam kết từ năm 21 trở đi (Lãi suất minh họa)			Quyền lợi nhận thêm khi tử vong /TTTBVV do Tai nạn	Khoản rút và phí rút tiền
					Giá trị Tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi từ vong/ TTTBVV		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1/23	15.217	6.087	-	-	1.581	-	550.000	550.000	-
2/24	30.434	8.787	-	-	3.207	-	550.000	550.000	-
3/25	45.651	11.681	-	-	7.951	-	550.000	550.000	-
4/26	60.868	13.621	-	-	14.981	2.808	550.000	550.000	-
5/27	76.561	15.275	-	-	23.722	13.070	550.000	550.000	-
6/28	92.254	15.693	785	-	34.177	25.784	550.000	550.000	-
7/29	107.947	15.693	785	-	45.171	38.300	550.000	550.000	-
8/30	123.640	15.693	785	-	56.719	51.370	550.000	550.000	-
9/31	139.333	15.693	785	-	68.799	64.971	550.000	550.000	-
10/32	155.395	16.062	803	3.804	85.375	83.050	550.000	550.000	-
11/33	171.457	16.062	1.606	-	99.807	97.440	550.000	550.000	-
12/34	187.519	16.062	1.606	-	114.922	112.555	550.000	550.000	-
13/35	203.581	16.062	1.606	-	130.744	128.377	550.000	550.000	-
14/36	219.643	16.062	1.606	-	147.288	144.921	550.000	550.000	-
15/37	236.451	16.808	1.681	15.217	180.044	177.602	550.000	550.000	-
16/38	253.259	16.808	2.521	-	200.084	196.802	550.000	550.000	-
17/39	270.067	16.808	2.521	-	221.020	217.738	550.000	550.000	-
18/40	286.875	16.808	2.521	-	242.866	239.584	550.000	550.000	-
19/41	303.683	16.808	2.521	-	265.658	262.376	550.000	550.000	-
20/42	320.861	17.178	2.577	34.238	323.866	320.528	550.000	550.000	-

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm: NGUYỄN THỊ HOA
Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG048886

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



240824194213886

In ngày: 24/08/2024
Trang số: 5 / 27

MINH HỌA QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối năm HĐ /Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng	Phí bảo hiểm phân bổ	Thưởng hàng năm	Thưởng đặc biệt	Minh họa tại mức lãi suất đầu tư 5,30%/năm từ năm 1-20 và mức lãi suất cam kết từ năm 21 trở đi (Lãi suất minh họa)			Quyền lợi nhận thêm khi tử vong/TTTBVV do Tai nạn	Khoản rút và phí rút tiền
					Giá trị Tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi tử vong/TTTBVV		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
21/43	320.861	-	-	-	318.425	318.425	550.000	550.000	-
22/44	320.861	-	-	-	312.664	312.664	550.000	550.000	-
23/45	320.861	-	-	-	306.538	306.538	550.000	550.000	-
24/46	320.861	-	-	-	300.013	300.013	550.000	550.000	-
25/47	320.861	-	-	-	292.384	292.384	550.000	550.000	-
30/52	320.861	-	-	-	243.944	243.944	550.000	550.000	-
35/57	320.861	-	-	-	196.311	196.311	550.000	550.000	-
39/61	320.861	-	-	-	135.619	135.619	550.000	550.000	-
40/62	320.861	-	-	-	116.665	116.665	550.000	550.000	-
44/66	320.861	-	-	-	24.154	24.154	550.000	550.000	-
45/67	320.861	-	-	-	(*)	(*)	(*)	(*)	-

(*) Hợp đồng mất hiệu lực do Giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để trừ Khoản khấu trừ hàng tháng.

MINH HỌA QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

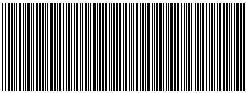
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối năm HĐ /Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng	Phí bảo hiểm phân bổ	Thưởng hàng năm	Thưởng đặc biệt	Minh họa tại mức lãi suất đầu tư cam kết			Quyền lợi nhận thêm khi tử vong/TTTBVV do Tai nạn	Khoản rút và phí rút tiền
					Giá trị Tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi tử vong/ TTTBVV		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1/23	15.217	6.087	-	-	1.534	-	550.000	550.000	-
2/24	30.434	8.787	-	-	3.076	-	550.000	550.000	-
3/25	45.651	11.681	-	-	7.672	-	550.000	550.000	-
4/26	60.868	13.621	-	-	14.463	2.289	550.000	550.000	-
5/27	76.561	15.275	-	-	22.843	12.191	550.000	550.000	-
6/28	92.254	15.693	785	-	32.443	24.050	550.000	550.000	-
7/29	107.947	15.693	785	-	42.313	35.442	550.000	550.000	-
8/30	123.640	15.693	785	-	52.450	47.100	550.000	550.000	-
9/31	139.333	15.693	785	-	62.808	58.980	550.000	550.000	-
10/32	155.395	16.062	803	3.804	77.324	74.999	550.000	550.000	-
11/33	171.457	16.062	1.606	-	88.327	85.959	550.000	550.000	-
12/34	187.519	16.062	1.606	-	99.459	97.092	550.000	550.000	-
13/35	203.581	16.062	1.606	-	110.713	108.346	550.000	550.000	-
14/36	219.643	16.062	1.606	-	122.065	119.698	550.000	550.000	-
15/37	236.451	16.808	1.681	15.217	148.947	146.505	550.000	550.000	-
16/38	253.259	16.808	2.521	-	161.053	157.771	550.000	550.000	-
17/39	270.067	16.808	2.521	-	173.148	169.866	550.000	550.000	-
18/40	286.875	16.808	2.521	-	185.193	181.911	550.000	550.000	-
19/41	303.683	16.808	2.521	-	197.165	193.882	550.000	550.000	-
20/42	320.861	17.178	2.577	34.238	243.460	240.123	550.000	550.000	-

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm: NGUYỄN THỊ HOA
Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG048886

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



240824194213886

In ngày: 24/08/2024
Trang số: 7 / 27

MINH HỌA QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối năm HĐ /Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng	Phí bảo hiểm phân bổ	Thưởng hàng năm	Thưởng đặc biệt	Minh họa tại mức lãi suất đầu tư cam kết			Quyền lợi nhận thêm khi tử vong/TTTBVV do Tai nạn	Khoản rút và phí rút tiền
					Giá trị Tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi tử vong/TTTBVV		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
21/43	320.861	-	-	-	236.510	236.510	550.000	550.000	-
22/44	320.861	-	-	-	229.186	229.186	550.000	550.000	-
23/45	320.861	-	-	-	221.436	221.436	550.000	550.000	-
24/46	320.861	-	-	-	213.226	213.226	550.000	550.000	-
25/47	320.861	-	-	-	203.842	203.842	550.000	550.000	-
30/52	320.861	-	-	-	145.403	145.403	550.000	550.000	-
35/57	320.861	-	-	-	84.670	84.670	550.000	550.000	-
39/61	320.861	-	-	-	9.879	9.879	550.000	550.000	-
40/62	320.861	-	-	-	(*)	(*)	(*)	(*)	-

(*) Hợp đồng mất hiệu lực do Giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để trừ Khoản khấu trừ hàng tháng.

MINH HỌA CHI TIẾT CÁC LOẠI PHÍ
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối năm HĐ/ Tuổi	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm phân bổ			Phí quản lý hợp đồng (**)	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Cơ bản và mở rộng	Đóng thêm	Tổng	Cơ bản và mở rộng	Đóng thêm	Tổng	Vào Tài khoản cơ bản	Vào Tài khoản đóng thêm	Tổng		Minh họa tại mức lãi suất đầu tư	
											Lãi suất minh họa	Lãi suất cam kết
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)	(13)
1/23	15.217	-	15.217	9.130	-	9.130	6.087	-	6.087	524	4.171	4.171
2/24	15.217	-	15.217	6.430	-	6.430	8.787	-	8.787	548	6.949	6.949
3/25	15.217	-	15.217	3.536	-	3.536	11.681	-	11.681	572	6.941	6.942
4/26	15.217	-	15.217	1.596	-	1.596	13.621	-	13.621	596	6.924	6.924
5/27	15.693	-	15.693	418	-	418	15.275	-	15.275	620	7.292	7.293
6/28	15.693	-	15.693	-	-	-	15.693	-	15.693	644	7.283	7.286
7/29	15.693	-	15.693	-	-	-	15.693	-	15.693	668	7.274	7.278
8/30	15.693	-	15.693	-	-	-	15.693	-	15.693	692	7.278	7.284
9/31	15.693	-	15.693	-	-	-	15.693	-	15.693	712	7.336	7.345
10/32	16.062	-	16.062	-	-	-	16.062	-	16.062	720	7.675	7.688
11/33	16.062	-	16.062	-	-	-	16.062	-	16.062	720	7.736	7.754
12/34	16.062	-	16.062	-	-	-	16.062	-	16.062	720	7.817	7.843
13/35	16.062	-	16.062	-	-	-	16.062	-	16.062	720	7.907	7.943
14/36	16.062	-	16.062	-	-	-	16.062	-	16.062	720	8.021	8.070
15/37	16.808	-	16.808	-	-	-	16.808	-	16.808	720	8.747	8.811
16/38	16.808	-	16.808	-	-	-	16.808	-	16.808	720	8.863	8.949
17/39	16.808	-	16.808	-	-	-	16.808	-	16.808	720	9.024	9.139
18/40	16.808	-	16.808	-	-	-	16.808	-	16.808	720	9.218	9.370
19/41	16.808	-	16.808	-	-	-	16.808	-	16.808	720	9.424	9.621
20/42	17.178	-	17.178	-	-	-	17.178	-	17.178	720	9.891	10.143

MINH HỌA CHI TIẾT CÁC LOẠI PHÍ
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối năm HĐ/ Tuổi	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm phân bổ			Phí quản lý hợp đồng (**)	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Cơ bản và mở rộng	Đóng thêm	Tổng	Cơ bản và mở rộng	Đóng thêm	Tổng	Vào Tài khoản cơ bản	Vào Tài khoản đóng thêm	Tổng		Minh họa tại mức lãi suất đầu tư	
											Lãi suất minh họa	Lãi suất cam kết
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)	(13)
21/43	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	9.497	9.798
22/44	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	9.732	10.065
23/45	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	10.009	10.377
24/46	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	10.313	10.719
25/47	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	11.312	11.761
30/52	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	14.741	15.483
35/57	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	15.377	16.693
39/61	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	18.037	20.113
40/62	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	20.100	9.299
44/66	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	25.950	-
45/67	-	-	-	-	-	-	-	-	-	480	21.079	-

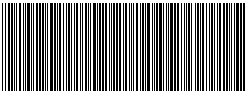
(**) Phí quản lý hợp đồng được khấu trừ tương ứng với thời gian hiệu lực của Hợp đồng minh họa theo mức Lãi suất minh họa.

MINH HỌA QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm bắt buộc)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối năm HĐ /Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng	Phí bảo hiểm phân bổ	Thưởng hàng năm	Thưởng đặc biệt	Minh họa tại mức lãi suất đầu tư 5,30%/năm từ năm 1-20 và mức lãi suất cam kết từ năm 21 trở đi (Lãi suất minh họa)			Quyền lợi nhận thêm khi tử vong/TTTBVV do Tai nạn	Khoản rút và phí rút tiền
					Giá trị Tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi tử vong/ TTTBVV		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1/23	15.217	6.087	-	-	1.581	-	550.000	550.000	-
2/24	30.434	8.787	-	-	3.207	-	550.000	550.000	-
3/25	45.651	11.681	-	-	7.951	-	550.000	550.000	-
4/26	60.868	13.621	-	-	14.981	2.808	550.000	550.000	-
5/27	60.868	-	-	-	7.613	-	550.000	550.000	-
6/28	60.868	-	-	-	(*)	(*)	(*)	(*)	-

(*) Hợp đồng mất hiệu lực do Giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để trừ Khoản khấu trừ hàng tháng.



MINH HẠ QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm bắt buộc)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối năm HĐ /Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng	Phí bảo hiểm phân bổ	Thưởng hàng năm	Thưởng đặc biệt	Minh họa tại mức lãi suất đầu tư cam kết			Quyền lợi nhận thêm khi tử vong/TTTBVV do Tai nạn	Khoản rút và phí rút tiền
					Giá trị Tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi tử vong/ TTTBVV		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1/23	15.217	6.087	-	-	1.534	-	550.000	550.000	-
2/24	30.434	8.787	-	-	3.076	-	550.000	550.000	-
3/25	45.651	11.681	-	-	7.672	-	550.000	550.000	-
4/26	60.868	13.621	-	-	14.463	2.289	550.000	550.000	-
5/27	60.868	-	-	-	6.933	-	550.000	550.000	-
6/28	60.868	-	-	-	(*)	(*)	(*)	(*)	-

(*) Hợp đồng mất hiệu lực do Giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để trừ Khoản khấu trừ hàng tháng.



MINH HỌA CHI TIẾT CÁC LOẠI PHÍ
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm bắt buộc)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối năm HĐ/ Tuổi	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm phân bổ			Phí quản lý hợp đồng (**)	Phí rủi ro	
	Cơ bản và mở rộng	Đóng thêm	Tổng	Cơ bản và mở rộng	Đóng thêm	Tổng	Vào Tài khoản cơ bản	Vào Tài khoản đóng thêm	Tổng		Minh họa tại mức lãi suất đầu tư	
											Lãi suất minh họa	Lãi suất cam kết
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)	(13)
1/23	15.217	-	15.217	9.130	-	9.130	6.087	-	6.087	524	4.171	4.171
2/24	15.217	-	15.217	6.430	-	6.430	8.787	-	8.787	548	6.949	6.949
3/25	15.217	-	15.217	3.536	-	3.536	11.681	-	11.681	572	6.941	6.942
4/26	15.217	-	15.217	1.596	-	1.596	13.621	-	13.621	596	6.924	6.924
5/27	-	-	-	-	-	-	-	-	-	620	7.317	7.318
6/28	-	-	-	-	-	-	-	-	-	589	6.726	6.116

(**) Phí quản lý hợp đồng được khấu trừ tương ứng với thời gian hiệu lực của Hợp đồng minh họa theo mức Lãi suất minh họa.

Ghi chú:

- 1. Quyền lợi bảo hiểm được minh họa trong 2 trường hợp: Khách hàng đóng phí bảo hiểm trong Thời hạn đóng phí dự kiến và trong thời hạn đóng phí bảo hiểm tối thiểu bắt buộc. Chi tiết về Phí bảo hiểm được phân bổ vào tài khoản được thể hiện tại trang "Minh họa chi tiết các loại phí."
- 2. Việc rút tiền sẽ được thực hiện từ Tài khoản đóng thêm (nếu có) trước; sau đó đến Tài khoản cơ bản.
- 3. Trang "Minh họa quyền lợi của hợp đồng bảo hiểm" (theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến và Thời hạn đóng phí bắt buộc) thể hiện các minh họa về Phí bảo hiểm và các quyền lợi của hợp đồng bảo hiểm. Giá trị Tài khoản hợp đồng sẽ thay đổi tùy thuộc vào kết quả thực tế của Quỹ liên kết chung (có thể cao hơn hoặc thấp hơn mức minh họa 5,30%/năm nhưng không thấp hơn mức lãi suất đầu tư cam kết), phí bảo hiểm thực đóng và số tiền rút ra thực tế từ Tài khoản hợp đồng. Vì vậy, giá trị Tài khoản hợp đồng thực tế có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị thể hiện ở Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này. Kết quả thực tế của Quỹ liên kết chung sẽ được cập nhật tại Trang web chính thức của Generali (generalivn). Chi tiết về hợp đồng bảo hiểm và các quyền lợi bảo hiểm được quy định cụ thể trong Quy tắc và Điều khoản của hợp đồng bảo hiểm.
- 4. Lãi suất minh họa chỉ mang tính tham khảo, có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung và không có ý nghĩa là mức lãi suất này được đảm bảo cho khách hàng trong tương lai, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.
- 5. Giá trị tài khoản đã bao gồm Quyền lợi thưởng hàng năm và Quyền lợi thưởng đặc biệt. Điều kiện cụ thể để nhận các Quyền lợi thưởng được quy định trong Quy tắc và Điều khoản của hợp đồng bảo hiểm.
- 6. Giá trị hoàn lại tương ứng với Giá trị Tài khoản hợp đồng trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn.

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM MỞ RỘNG

Đơn vị: đồng

STT	Quyền lợi bảo hiểm	Số tiền chi trả				
		NGUYỄN LƯU ANH TUẤN				
1	Bảo hiểm tử vong và thương tật do Tai nạn - Phiên bản mở rộng (*)					
	Thương tật do Tai nạn	Tối đa 500.000.000 theo mức độ thương tật				
	Bỏnđ do Tai nạn	Tối đa 500.000.000 theo mức độ Bỏnđ				
	Chấn thương nội tạng do Tai nạn	Tối đa 50.000.000				
	Gãy xương do Tai nạn	Tối đa 50.000.000				
	Vận chuyển cấp cứu do Tai nạn/Tai nạn	2.500.000				
	Tử vong do Tai nạn	500.000.000				
	Tử vong do Tai nạn trên các phương tiện giao thông công cộng hoặc trong thang máy công cộng; hoặc do hỏa hoạn tại các tòa nhà công cộng theo Quy tắc và Điều khoản	1.000.000.000				

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM MỞ RỘNG

	Tử vong do Tai nạn khi di chuyển trên các chuyến bay dân dụng với tư cách là hành khách	1.500.000.000				
2	Bảo hiểm bệnh hiểm nghèo chi trả nhiều lần					
	Bệnh hiểm nghèo dành cho trẻ em (chỉ trả 01 lần)	100.000.000				
	Biến chứng Bệnh tiểu đường (chỉ trả 01 lần)	100.000.000				
	Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu (chi trả tối đa cho 02 Bệnh hiểm nghèo khác nhóm Bệnh)	100.000.000 /Bệnh				
	Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau (chi trả tối đa cho 02 Bệnh hiểm nghèo khác nhóm Bệnh)	400.000.000 /Bệnh				
3	Bảo hiểm miễn đóng phí Bệnh hiểm nghèo mở rộng					
	Generali thay Bên mua bảo hiểm đóng Phí bảo hiểm phải đóng trong tương lai của Hợp đồng bảo hiểm cho đến khi kết thúc Thời hạn bảo hiểm của Quyền lợi bảo hiểm mở rộng này, khi Người được bảo hiểm được Chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản của Quyền lợi bảo hiểm mở rộng này.	Đính kèm				

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM MỞ RỘNG

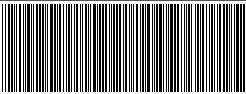
GHI CHÚ:

Chi tiết về các quyền lợi bảo hiểm được quy định cụ thể trong Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm.

(*) Khi xảy ra Sự kiện được bảo hiểm đối với Người được bảo hiểm từ 04 Tuổi trở xuống, Số tiền bảo hiểm dùng để chi trả quyền lợi sẽ được điều chỉnh theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.

Bảo hiểm tử vong và thương tật do Tai nạn - Phiên bản mở rộng: Quyền lợi Tử vong do Tai nạn sẽ trừ đi (các) quyền lợi Thương tật do Tai nạn, Bồng do Tai nạn, Chấn thương cơ quan nội tạng do Tai nạn, Gãy xương do Tai nạn, Vận chuyển cấp cứu do Tai nạn, đã chi trả trước đó.

Bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo chi trả nhiều lần: Số tiền tối đa mỗi lần chi trả đối với các quyền lợi Bệnh hiểm nghèo dành cho trẻ em, Biến chứng Bệnh tiểu đường, Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu không được vượt quá 500 triệu đồng cho mỗi quyền lợi - bất kể Người được bảo hiểm có tham gia nhiều Hợp đồng bảo hiểm.



LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

STT	Sản phẩm bảo hiểm	Loại trừ
1	BH Bệnh hiểm nghèo chi trả nhiều lần	Tham khảo Điều 2, Quy tắc và Điều khoản Quyền lợi bảo hiểm mở rộng đính kèm sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung (Phiên bản 2017) Bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo chi trả nhiều lần.
2	BH tử vong và thương tật do Tai nạn - Phiên bản mở rộng	Tham khảo Điều 4, Quy tắc và Điều khoản Bảo hiểm bồi trợ Tử vong và thương tật do tai nạn - Phiên bản mở rộng.
3	VITA - Sống Tự Tin	Tham khảo Điều 4, Quy tắc và Điều khoản Bảo hiểm Liên kết chung (Phiên bản 2017).
4	VITA - Sức Khỏe Vàng - Phiên bản 3/ VITA - Sức Khỏe Kim Cương	Tham khảo Điều 10, Quy tắc và Điều khoản Bảo hiểm bồi trợ bảo hiểm sức khỏe cá nhân - Phiên bản 3.
5	BH miễn đóng phí Bệnh hiểm nghèo	Tham khảo Điều 2, Quy tắc và Điều khoản quyền lợi bảo hiểm mở rộng đính kèm sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung (Phiên bản 2017) Bảo hiểm miễn đóng phí Bệnh hiểm nghèo (Phiên bản 2017).

DANH SÁCH BỆNH HIỂM NGHÈO ĐƯỢC BẢO HIỂM (BẢO HIỂM BỆNH HIỂM NGHÈO CHI TRẢ NHIỀU LẦN)

BIẾN CHỨNG BỆNH TIỂU ĐƯỜNG	BỆNH HIỂM NGHÈO DÀNH CHO TRẺ EM			
1. Bệnh vồng mạc do tiểu đường 2. Bệnh thận do tiểu đường 3. Cụt chi do tiểu đường	1. Bệnh Wilson 2. Bệnh Tay - Chân - Miệng với các biến chứng nặng (đe dọa tính mạng) 3. Bệnh tiểu đường phụ thuộc Insulin (Tiểu đường tuýp 1)	4. Bệnh Kawasaki với các biến chứng tim 5. Bệnh xương thủy tinh 6. Sốt thấp khớp có biến chứng van tim	7. Bệnh Hemophilia thể nặng 8. Sốt xuất huyết Dengue 9. Viêm khớp mạn tính hệ thống ở trẻ em (Bệnh Still ở trẻ em)	10. Chứng tự kỷ thể nặng 11. Hội chứng thận hư tái phát thể nặng 12. Bệnh bạch hầu đường hô hấp
NHÓM BỆNH	BỆNH HIỂM NGHÈO GIAI ĐOẠN ĐẦU THEO NHÓM BỆNH			
1. Ung thư	1. Ung thư biểu mô tại chỗ	2. Ung thư giai đoạn sớm của một số cơ quan		
2. Tạng chủ	3. Phẫu thuật cắt bỏ một thận 4. Ghép ruột non 5. Phẫu thuật cắt một bên phổi 6. Phẫu thuật gan 7. Phẫu thuật tái tạo đường mật	8. Ghép giác mạc 9. Hen suyễn nặng 10. Xơ gan 11. Thiếu máu bất sản có khả năng hồi phục		
3. Hệ tuần hoàn (tim mạch)	12. Đặt máy tạo nhịp tim 13. Đặt máy khử rung tim 14. Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành trực tiếp xâm lấn tối thiểu (MIDCAB) 15. Phẫu thuật động mạch chủ xâm lấn tối thiểu	16. Tạo hình van tim hoặc nong van tim qua da 17. Cắt màng ngoài tim 18. Đặt lưới lọc tĩnh mạch chủ 19. Tăng áp động mạch phổi giai đoạn sớm 20. Phồng động mạch chủ nặng không có triệu chứng		
4. Hệ thống thần kinh – Cơ xương khớp	21. Phẫu thuật đặt dẫn lưu não thất 22. Phẫu thuật cắt u tuyến yên 23. Loãng xương với Gãy xương 24. Bệnh tủy sống hoặc chấn thương tủy sống dẫn tới rối loạn chức năng bàng quang và ruột	25. Phẫu thuật huyết khối xoang hang 26. Viêm tủy sống do lao 27. Động kinh nặng 28. Parkinson thể trung bình		
5. Khác	29. Mất thị lực 01 mắt 30. Bồng không nghiêm trọng 31. Mất 01 chi 32. Phẫu thuật cấy ốc tai	33. Mất chức năng 01 chi và mất thị lực 01 mắt 34. Viêm vồng mạc sắc tố 35. Viêm khớp dạng thấp thể trung bình		

NHÓM BỆNH		BỆNH HIỂM NGHÈO GIAI ĐOẠN SAU THEO NHÓM BỆNH	
1. Ung thư 2. Tạng chủ	1. Ung thư	7. Suy gan giai đoạn cuối 8. Thiếu máu bất sản 9. Viêm tụy mãn tái phát 10. Viêm gan tự miễn mãn tính	
	2. Suy thận 3. Phẫu thuật ghép tạng chủ 4. Bệnh phổi giai đoạn cuối 5. Nang tủy thận 6. Viêm gan siêu vi thể tối cấp		
3. Hệ tuần hoàn (tim mạch)	11. Nhồi máu cơ tim 12. Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành 13. Phẫu thuật thay van tim 14. Phẫu thuật động mạch chủ	15. Tăng áp lực động mạch phổi nguyên phát 16. Bệnh cơ tim 17. Hội chứng Eisenmenger 18. Viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn	
4. Hệ thống thần kinh – Cơ xương khớp	19. Hôn mê 20. Đột quy 21. Bệnh Alzheimer 22. Bệnh Parkinson 23. Bệnh xơ cứng rải rác 24. Viêm não 25. Chấn thương sọ não nặng 26. Phẫu thuật sọ não 27. Bệnh teo cơ tủy (SMA) 28. Bệnh xơ cứng cột bên teo cơ 29. Viêm màng não do vi khuẩn 30. U não lành tính 31. Bệnh bại liệt	32. Cụt chi 33. Liệt chi 34. Bệnh loạn dưỡng cơ 35. Bệnh nhược cơ 36. Loãng xương nặng 37. Tổn thương đa rễ đám rối thần kinh cánh tay 38. Bệnh Creutzfeldt-Jakob (Bò điên) 39. Bệnh lao màng não 40. Gãy cột sống do Tai nạn 41. Phình mạch não bắt buộc phải phẫu thuật 42. Hội chứng Apallic 43. Liệt trên nhân tiến triển 44. Liệt hành não tiến triển	
5. Khác	45. Bỏng nặng 46. Lupus ban đỏ hệ thống có biến chứng thận 47. Mù 48. Mất khả năng nói 49. Mất thính lực 50. Viêm đa khớp dạng thấp thể nặng 51. U tủy thượng thận 52. Xơ cứng bì tiến triển	53. Nhiễm HIV do truyền máu 54. Nhiễm HIV do nghề nghiệp 55. Suy thượng thận mãn tính 56. Viêm cân mạc hoại tử 57. Viêm loét đại tràng có phẫu thuật cắt toàn bộ đại tràng 58. Bệnh Crohn có đường rò 59. Phẫu thuật Vẹo cột sống tự phát 60. Sốt xuất huyết Ebola 61. Bệnh phù chân voi	



BẢNG LIỆT KÊ QUYỀN LỢI CỦA VITA - SỨC KHỎE VÀNG - PHIÊN BẢN 3 / VITA - SỨC KHỎE KIM CƯƠNG

QUYỀN LỢI NỘI TRÚ

Đơn vị: nghìn đồng

CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM	Tiết Kiệm	Tiêu Chuẩn	Cao Cấp	V.I.P	Kim Cương
PHẠM VI ĐỊA LÝ ĐƯỢC BẢO HIỂM	Việt Nam	Việt Nam	Toàn cầu (Ngoại trừ Hoa Kỳ)	Toàn cầu (Ngoại trừ Hoa Kỳ)	Toàn cầu
HẠN MỨC HÀNG NĂM CỦA QUYỀN LỢI NỘI TRÚ	100.000	300.000	650.000	1.200.000	5.000.000
QUYỀN LỢI NHÂN ĐÔI HẠN MỨC (để điều trị nội trú các bệnh Ung thư, Đột quy, Nhồi máu cơ tim) (*)	100.000	300.000	650.000	1.200.000	5.000.000
Tỷ lệ đồng chi trả	0% hoặc 20%	0%	0%	0%	0%
PHẠM VI BẢO HIỂM	GIỚI HẠN PHỤ				
Viện phí và các chi phí y tế					
Giới hạn cho mỗi Đợt điều trị có Phẫu thuật	60.000	180.000	390.000	720.000	Theo Chi phí y tế thực tế
Giới hạn cho mỗi Đợt điều trị không có Phẫu thuật	30.000	90.000	195.000	360.000	
1. Tiền giường và phòng/Ngày nằm viện - Điều trị trong nước	500	1.500	3.000	6.000	12.000
Tiền giường và phòng/Ngày nằm viện - Điều trị tại nước ngoài	-		3.000	6.000	Theo Chi phí y tế thực tế (**)
2. Chi phí Phòng chăm sóc đặc biệt (tối đa 100 Ngày nằm viện/Năm hợp đồng)	Theo Chi phí y tế thực tế				
3. Chi phí Phẫu thuật					
4. Các chi phí điều trị nội trú khác					
5. Chi phí điều trị trước khi Nằm viện (trong vòng 30 ngày trước khi Nằm viện)					
6. Chi phí điều trị sau khi xuất viện (trong vòng 60 ngày sau khi xuất viện)					
7. Chi phí hỗ trợ người nuôi bệnh nhân/ngày (tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng)	500	1.500	3.000	6.000	12.000
8. Chăm sóc y tế tại nhà/ngày (tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng)	100	250	500	1.000	2.000
9. Trợ cấp nằm viện tại Bệnh viện công lập/Ngày nằm viện (tối đa 30 Ngày nằm viện/Năm hợp đồng)	-	150	500	1.000	2.000
10. Chi phí Vật lý trị liệu/Năm hợp đồng	1.000	3.000	5.000	10.000	20.000
11. Vận chuyển cấp cứu/Năm hợp đồng	1.000	2.500	5.000	Theo Chi phí y tế thực tế	

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm: NGUYỄN THỊ HOA
Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG048886

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



In ngày: 24/08/2024
Trang số: 21 / 27

BẢNG LIỆT KÊ QUYỀN LỢI CỦA VITA - SỨC KHỎE VÀNG - PHIÊN BẢN 3 / VITA - SỨC KHỎE KIM CƯƠNG

QUYỀN LỢI NỘI TRÚ

Đơn vị: nghìn đồng

CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM	Tiết Kiệm	Tiêu Chuẩn	Cao Cấp	V.I.P	Kim Cương
PHẠM VI ĐỊA LÝ ĐƯỢC BẢO HIỂM	Việt Nam	Việt Nam	Toàn cầu (Ngoại trừ Hoa Kỳ)	Toàn cầu (Ngoại trừ Hoa Kỳ)	Toàn cầu
HẠN MỨC HÀNG NĂM CỦA QUYỀN LỢI NỘI TRÚ	100.000	300.000	650.000	1.200.000	5.000.000
QUYỀN LỢI NHÂN ĐÔI HẠN MỨC (để điều trị nội trú các bệnh Ung thư, Đột quy, Nhồi máu cơ tim) (*)	100.000	300.000	650.000	1.200.000	5.000.000
Tỷ lệ đồng chi trả	0% hoặc 20%	0%	0%	0%	0%
PHẠM VI BẢO HIỂM	GIỚI HẠN PHỤ				
Cấy ghép nội tạng (thận, tim, gan, phổi, tụy, tủy xương)					
1. Chi phí cho Người được bảo hiểm (là người nhận tạng)	Theo Chi phí y tế thực tế				
2. Chi phí cho người hiến tạng/Năm hợp đồng	50.000	150.000	325.000	600.000	2.500.000
Điều trị Ung thư, Đột quy, Nhồi máu cơ tim	Theo Chi phí y tế thực tế				
Điều trị trong ngày					
1. Phẫu thuật trong ngày	Theo Chi phí y tế thực tế				
2. Điều trị thận nhân tạo/Năm hợp đồng	15.000	30.000	45.000	60.000	150.000
Điều trị cấp cứu do Tai nạn/Tai nạn	1.500	5.000	7.500	Theo Chi phí y tế thực tế	

Ghi chú:
(*) Quyền lợi được áp dụng khi đã sử dụng hết Hạn mức hàng năm của quyền lợi nội trú
(**) Tối đa 100 Ngày nằm viện/Năm Hợp đồng



BẢNG LIỆT KÊ QUYỀN LỢI CỦA VITA - SỨC KHỎE VÀNG - PHIÊN BẢN 3 / VITA - SỨC KHỎE KIM CƯƠNG

Đơn vị: nghìn đồng

	CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM	Tiết Kiệm	Tiêu Chuẩn	Cao Cấp	V.I.P	Kim Cương
	PHẠM VI ĐỊA LÝ ĐƯỢC BẢO HIỂM		Việt Nam	Toàn cầu (Ngoại trừ Hoa Kỳ)	Toàn cầu (Ngoại trừ Hoa Kỳ)	Toàn cầu
QL NGOẠI TRÚ	HẠN MỨC HÀNG NĂM	-	15.000	25.000	50.000	100.000
	Tỷ lệ đồng chi trả trong trường hợp khám, điều trị tại các Cơ sở y tế/Phòng khám tư nhân		20%	20%	0%	0%
	1. Chi phí điều trị ngoại trú theo Tây y/lần khám		1.500	3.000	6.000	12.000
	2. Chi phí điều trị ngoại trú theo Đông y/lần khám		750	1.500	3.000	6.000
	3. Chi phí tiêm chủng/Năm hợp đồng		-			2.000
QL NHA KHOA	HẠN MỨC HÀNG NĂM	-	5.000	10.000	20.000	40.000
	1. Chi phí kiểm tra, cạo vôi răng/lần (tối đa 02 lần/Năm hợp đồng)		500	1.000	2.000	4.000
	2. Các chi phí khám và điều trị răng khác		Theo Chi phí y tế thực tế			
QL THAI SẢN	CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM	Tiết Kiệm	Tiêu Chuẩn	Cao Cấp	V.I.P	Kim Cương
	PHẠM VI ĐỊA LÝ ĐƯỢC BẢO HIỂM	-	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam	Toàn cầu
	HẠN MỨC HÀNG NĂM CỦA QUYỀN LỢI THAI SẢN		20.000	30.000	50.000	100.000
	Tỷ lệ đồng chi trả		20%	20%	0%	0%
	Chi phí khám thai/Năm hợp đồng		1.500	1.500	2.500	5.000
	Viện phí sinh con hoặc điều trị biến chứng thai sản					
	1. Tiền giường và phòng/Ngày nằm viện - Điều trị trong nước		1.500	3.000	6.000	12.000
	-Tiền giường và phòng/Ngày nằm viện - Điều trị tại nước ngoài		-			Theo Chi phí y tế thực tế (*)
	2. Chi phí Phòng chăm sóc đặc biệt (*)		Theo Chi phí y tế thực tế			
	3. Các chi phí chăm sóc thai sản khác					

(*) tối đa 100 Ngày nằm viện/Năm hợp đồng

Giới hạn phụ của từng quyền lợi ngoại trú, nha khoa, thai sản quy định ở Quy tắc và Điều khoản

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm: NGUYỄN THỊ HOA
Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG048886

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



In ngày: 24/08/2024
Trang số: 23 / 27

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ CÁC LOẠI PHÍ LIÊN QUAN

- 1. Phí bảo hiểm cơ bản: xác định dựa trên Số tiền bảo hiểm, Tuổi và giới tính của Người được bảo hiểm vào ngày ký Giấy yêu cầu bảo hiểm. Phí bảo hiểm cơ bản được phân bổ vào Tài khoản cơ bản sau khi trừ đi Phí ban đầu.
- 2. Phí bảo hiểm đóng thêm: Là số tiền mà Bên mua bảo hiểm đóng thêm sau khi đã đóng đủ tổng Phí bảo hiểm định kỳ của Năm hợp đồng hiện tại và các Năm hợp đồng trước đó. Phí bảo hiểm đóng thêm được phân bổ vào Tài khoản đóng thêm sau khi trừ đi Phí ban đầu. Phí bảo hiểm đóng thêm cần tuân thủ theo mức tối thiểu và tối đa do Generali quy định tại từng thời điểm.
- 3. Phí bảo hiểm mở rộng: Là phí bảo hiểm của (các) Quyền lợi bảo hiểm mở rộng. Phí bảo hiểm mở rộng được phân bổ vào Tài khoản cơ bản sau khi trừ đi Phí ban đầu.
- 4. Phí bảo hiểm định kỳ: là Phí bảo hiểm theo định kỳ đóng phí đã chọn.
- 5. Tài khoản cơ bản: Là tài khoản ghi nhận các giá trị từ nguồn Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm mở rộng (nếu có) sau khi trừ đi Phí ban đầu và Khoản khấu trừ hàng tháng. Các khoản lãi đầu tư, Khoản Thưởng hàng năm và Khoản Thưởng đặc biệt được cộng vào giá trị Tài khoản cơ bản theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản này.
- 6. Tài khoản đóng thêm: Là tài khoản ghi nhận các giá trị tích lũy từ Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi trừ đi Phí ban đầu (nếu có), cộng với các khoản lãi đầu tư.
- 7. Tài khoản hợp đồng: Là tài khoản ghi nhận tổng giá trị của của Tài khoản cơ bản và Tài khoản đóng thêm (nếu có).
- 8. Phí ban đầu: Là khoản phí được khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm mở rộng và Phí bảo hiểm đóng thêm trước khi các khoản phí bảo hiểm này được phân bổ vào giá trị Tài khoản hợp đồng. Phí ban đầu được quy định như sau:

Năm đóng phí	1	2	3	4	5	6+
% Phí bảo hiểm cơ bản	60%	40%	30%	15%	5%	0%
% Phí bảo hiểm mở rộng (áp dụng cho VITA - Sức Khỏe Vàng)	50%	35%	30%	20%	5%	0%
% Phí bảo hiểm mở rộng (áp dụng cho Bảo hiểm tử vong và thương tật do Tai nạn - Phiên bản mở rộng & VITA - Sức Khỏe Vàng - Phiên bản 3/VITA - Sức Khỏe Kim Cương)	60%	45%	15%	5%	0%	0%
% Phí bảo hiểm mở rộng (áp dụng cho các Quyền lợi bảo hiểm mở rộng khác)	60%	40%	30%	15%	5%	0%
% Phí bảo hiểm đóng thêm	0%					

- 9. Phí bảo hiểm rủi ro: Là khoản phí để đảm bảo quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo cam kết tại hợp đồng bảo hiểm, được khấu trừ hàng tháng từ giá trị Tài khoản hợp đồng vào Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng. Phí bảo hiểm rủi ro bao gồm Phí bảo hiểm rủi ro của các Quyền lợi bảo hiểm theo Quy tắc và Điều khoản này và (các) Quyền lợi bảo hiểm mở rộng (nếu có).

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ CÁC LOẠI PHÍ LIÊN QUAN

10. Phí quản lý hợp đồng: Là khoản phí dùng để bù đắp chi phí liên quan đến việc duy trì Hợp đồng bảo hiểm và cung cấp các thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm, được khấu trừ hàng tháng từ giá trị Tài khoản hợp đồng vào Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng. Trong năm 2017, Phí quản lý hợp đồng là 29.000 đồng mỗi tháng và tự động tăng 2.000 đồng mỗi năm dương lịch sau đó. Trong mọi trường hợp, Phí quản lý hợp đồng không vượt quá 60.000 đồng mỗi tháng.
11. Phí quản lý quỹ: Phí quản lý quỹ được khấu trừ trước khi Generali công bố Lãi suất đầu tư. Phí quản lý quỹ là 2% mỗi năm tính trên giá trị Tài khoản hợp đồng và có thể thay đổi nhưng không vượt quá 2,5% mỗi năm.
12. Phí rút tiền từ Tài khoản hợp đồng: Phí rút tiền từ Tài khoản cơ bản là 2% số tiền rút và áp dụng đến Năm hợp đồng thứ 20. Phí rút tiền từ Tài khoản đóng thêm là 2% số tiền rút và áp dụng trong suốt Thời hạn hợp đồng.
13. Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn: Là khoản phí tính cho Bên mua bảo hiểm khi yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn. Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn đối với Tài khoản cơ bản được quy định như sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11 - 20	21+
% Phí bảo hiểm Năm hợp đồng đầu tiên tại thời điểm phát hành Hợp đồng bảo hiểm	100%	100%	90%	80%	70%	50%	40%	30%	20%	10%	5%	0%

Nếu giá trị Tài khoản cơ bản nhỏ hơn Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn, Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn bằng giá trị Tài khoản cơ bản tại thời điểm chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn đối với Tài khoản đóng thêm là 2% giá trị Tài khoản đóng thêm tại thời điểm chấm dứt hợp đồng trước hạn.

14. Lãi suất đầu tư: Là mức lãi suất được áp dụng để xác định số tiền lãi được cộng và tích lũy vào giá trị Tài khoản hợp đồng. Lãi suất đầu tư được Generali công bố tại từng thời điểm dựa trên lãi suất đầu tư thực tế từ Quỹ liên kết chung sau khi trừ đi Phí quản lý quỹ. Lãi suất đầu tư công bố không thấp hơn mức cam kết sau:

Năm hợp đồng	1 - 5	6 - 10	11 - 15	16+
Lãi suất đầu tư cam kết (%/năm)	4%	3%	2%	1,5%

15. Quỹ liên kết chung: Là quỹ được hình thành từ nguồn Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm mở rộng và Phí bảo hiểm đóng thêm của các Hợp đồng bảo hiểm liên kết chung và thuộc quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm. Generali thực hiện chính sách đầu tư thận trọng bằng việc tập trung chủ yếu vào các tài sản có thu nhập ổn định như trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng. Generali có thể ủy thác việc quản lý và đầu tư Quỹ liên kết chung cho một bên thứ ba. Lãi suất công bố của Quỹ liên kết chung trong giai đoạn 2018 - 2023 như sau:

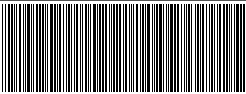
Năm hợp đồng	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Lãi suất công bố (%/năm)	6,25 - 6,5%	5,6 - 6,25%	5,2 - 5,6%	4,6 - 5,0%	4,4 - 5,6%	5,6 - 6,5%



LƯU Ý QUAN TRỌNG VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

- 1. Nghĩa vụ cung cấp thông tin: Hợp đồng được phát hành trên cơ sở Quý khách và Người được bảo hiểm đảm bảo tất cả các thông tin cung cấp tại Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm là đầy đủ và chính xác. Thông tin không chính xác hoặc không đầy đủ có thể dẫn đến việc quyền lợi bảo hiểm sẽ không được chi trả và Hợp đồng có thể bị chấm dứt.
- 2. Thời gian cân nhắc: Quý khách có 21 ngày tính từ ngày nhận Hợp đồng để (i) Kiểm tra toàn bộ thông tin của Hợp đồng; và (ii) Thay đổi quyết định tham gia bảo hiểm (bằng cách gửi văn bản đến Generali). Nếu có bất kỳ thông tin nào chưa chính xác hay chưa đầy đủ, Quý khách cần thông báo kịp thời cho Generali trong thời hạn nêu trên. Nếu Quý khách từ chối tham gia bảo hiểm, Hợp đồng sẽ được hủy bỏ và Generali sẽ hoàn trả toàn bộ phí bảo hiểm đã đóng (không có lãi), sau khi trừ đi các chi phí khám và xét nghiệm y khoa (nếu có).
- 3. Đóng phí bảo hiểm: Quý khách cần đóng phí theo đúng quy định để duy trì hiệu lực Hợp đồng. Các sản phẩm liên kết chung và liên kết đơn vị có tính năng cho phép Bên mua bảo hiểm tạm ngưng đóng phí sau một số năm. Tuy nhiên, xin lưu ý: việc tạm ngưng đóng phí có thể làm cho Hợp đồng mất hiệu lực và/hoặc không đạt được kết quả đầu tư như mong muốn.
- 4. Thời gian chờ: là khoảng thời gian mà sự kiện xảy ra trong khoảng thời gian đó sẽ không được Generali chi trả quyền lợi bảo hiểm. Thời gian chờ được quy định chi tiết tại Quy tắc và Điều khoản của từng sản phẩm. Thời gian chờ được tính từ ngày sản phẩm bắt đầu có hiệu lực, hoặc ngày khôi phục hiệu lực gần nhất (tùy vào ngày nào đến sau).
- 5. Cập nhật thông tin: Khách hàng và Người được bảo hiểm cần thông báo kịp thời cho Generali khi (i) Có thay đổi về nơi cư trú và thông tin liên lạc, giấy tờ tùy thân (chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hộ chiếu, v.v.); hoặc (ii) Ra nước ngoài liên tục trên 3 tháng; hoặc (iii) Thay đổi người thụ hưởng.

Mọi thắc mắc, Quý khách có thể liên hệ hotline 1900 969675 hoặc trực tiếp tại các trung tâm dịch vụ khách hàng của Generali:
<https://generali.vn/bao-hiem-ca-nhan/lien-he/ho-tro/danh-sach-dia-diem>



XÁC NHẬN CỦA TƯ VẤN BẢO HIỂM

Tôi xác nhận đã giải thích đầy đủ và đã tư vấn cho khách hàng có tên nêu trên về chi tiết của Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này cũng như nội dung của Quy tắc và Điều khoản, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm.

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

- Tôi/Chúng tôi, xác nhận đã đọc kỹ và đã được tư vấn đầy đủ các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này cũng như nội dung của Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm. Tôi/Chúng tôi đã hiểu rõ quyền lợi và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi theo quy định của Hợp đồng bảo hiểm.
- Tôi/Chúng tôi đã được giải thích đầy đủ và đã hiểu rõ điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của (các) sản phẩm liệt kê trong Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này.
- Tôi/Chúng tôi hiểu rằng Hợp đồng được phát hành trên cơ sở Tôi/Chúng tôi đảm bảo tất cả các thông tin cung cấp tại Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm là đầy đủ và chính xác. Thông tin không chính xác hoặc không đầy đủ có thể dẫn đến việc quyền lợi bảo hiểm sẽ không được chi trả và Hợp đồng có thể bị chấm dứt.
- Tôi/Chúng tôi hiểu rằng việc giao kết Hợp đồng bảo hiểm là một cam kết dài hạn, việc Tôi/Chúng tôi hủy bỏ/chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản phí bảo hiểm đã đóng.
- Tôi/chúng tôi hiểu và đồng ý rằng: i) Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ có giá trị minh họa; ii) Các quyền lợi và điều kiện bảo hiểm được quy định tại Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm.
- Tôi/Chúng tôi hiểu rằng Hợp đồng bảo hiểm này sẽ mất hiệu lực nếu Phí bảo hiểm không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong vòng 04 Năm hợp đồng đầu tiên, hoặc giá trị Tài khoản hợp đồng không đủ để trừ Khoản khấu trừ hàng tháng.
- Tôi/Chúng tôi hiểu và đồng ý rằng Phí bảo hiểm rủi ro của (các) Quyền lợi bảo hiểm mở rộng được khấu trừ hàng tháng từ Tài khoản hợp đồng khi Tôi/Chúng tôi tham gia (các) Quyền lợi bảo hiểm mở rộng, và việc tham gia sản phẩm bảo hiểm mở rộng không phải là điều kiện bắt buộc để tham gia sản phẩm bảo hiểm chính.

	BÊN MUA BẢO HIỂM	NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM
Họ và tên: Ngày:/...../.....	Họ và tên: NGUYỄN LƯU ANH TUẤN Ngày:/...../.....	Họ và tên: Ngày:/...../.....

Tài liệu minh họa này được lập thông qua ứng dụng điện tử Genova của Generali Việt Nam và được Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và Tư vấn bảo hiểm xác nhận bằng Thư xác nhận yêu cầu bảo hiểm qua ứng dụng điện tử Genova